

Bản án số: 210/2025/HC-PT
Ngày 04 tháng 3 năm 2025
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: ông Lê Thành Long
bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1309/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2025/QĐPT ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Huỳnh Đặng Duyên N, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Bà Đặng Thị M, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Tấn T – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

Địa chỉ: Số A, N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.
- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vĩnh K – Chủ tịch (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Văn Bé C - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Trúc M1 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Trần Thanh B, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B:

Bà Đặng Thị M, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là bà Huỳnh Đặng Duyên N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2024, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 11/6/2024, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Huỳnh Đặng Duyên N là bà Đặng Thị M trình bày:

Vào ngày 06/9/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 4266/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 2.457m², của hộ bà Đặng Thị M (mẹ ruột bà Duyên N) để thực hiện “Dự án Chính trang khu dân cư đô thị P”. Sau khi thu hồi, Ủy ban nhân dân thành phố B xét giao 03 nền tái định cư đất ở có thu tiền sử dụng đất gồm: hộ bà Đặng Thị M 01 nền; hộ ông Huỳnh Đặng D (anh ruột bà Duyên N) 01 nền và bà Duyên N 01 nền. Bà Duyên N đã làm đầy đủ các thủ tục xin giao đất ở theo hướng dẫn của các ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố B. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho bà Duyên N tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 46, diện tích 81m², đất ở tại đô thị, tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ngày 13/4/2021, bà Duyên N được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 07/12/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho bà Duyên N, với lý do: “hộ bà Huỳnh Đặng Duyên N không đủ điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất”, quyết định không nêu căn cứ quy định pháp luật nào để chứng minh bà Duyên N không đủ điều kiện giao đất.

Không đồng ý với Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B, bà Duyên N khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngày 18/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 973/QĐ-UBND không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Duyên N, giữ y nội dung Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng, bà Duyên N không đủ điều kiện để được giao nền tái định cư, do tại thời điểm cấp đất bà Duyên N chưa kết hôn theo quy định tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, kể cả Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Bà Duyên N nhận thấy những lý do nêu trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 973/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là không đúng quy định của pháp luật, bởi lý do:

Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B không còn hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/8/2019 và được thay thế bằng Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Trong khi đó, Quyết định số 598/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành ngày 17/02/2021 thì không thể áp dụng Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND (đã hết hiệu lực pháp luật) để giải quyết khiếu nại.

Mặt khác, Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đề cập cũng không có quy định người được bố trí nền tái định cư phải có giấy đăng ký kết hôn.

Tại điểm d khoản 1 Điều 26 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) về đối tượng, điều kiện được bố trí nền tái định cư quy định:

“d/ Trường hợp trong hộ gia đình mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi mà không có chỗ ở (nhà ở và đất ở) nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi”.

Bà Duyên N thuộc thế hệ thứ hai trong hộ gia đình của hộ bà Đặng Thị M, cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi (đã thu hồi 300m² đất ở tại đô thị), có đủ điều kiện tách hộ gia đình riêng, không có chỗ ở nào khác trên địa bàn phường P nơi có đất bị thu hồi. Như vậy, bà Duyên N có đủ điều kiện được bố trí tái định cư.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc không công nhận đơn khiếu nại của bà Duyên N là không đúng pháp luật.

Vì vậy, bà Duyên N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết: Hủy Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre và hủy Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Theo Văn bản số 2786/UBND-NC ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Ngày 06/9/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4226/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ bà Đặng Thị M (mẹ bà Duyên N) để thực hiện dự án Chinh trang khu dân cư đô thị P. Hộ bà Đặng Thị M bị thu hồi diện tích 2.455m² trong đó 100m² đất ở nông thôn và 2.355m² đất cây lâu năm, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 33, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tổng số tiền được bồi thường là 9.581.212.000 đồng.

Theo phương án bồi thường do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B lập ngày 31/7/2019 thì hộ bà Đặng Thị M thuộc diện giải tỏa trắng nhà, đất ở, Ủy ban nhân dân phường P xác nhận bà Đặng Thị M không còn nhà, đất ở nào khác trên địa bàn phường P. Theo hộ khẩu số C9003957 tại thời điểm thu hồi đất thì hộ bà M có 07 nhân khẩu gồm: bà M, chồng bà M, hai con ruột, một con dâu, hai cháu nội. Đồng thời, bà M có đơn xin xác nhận đủ điều kiện tách hộ với nội dung trình bày: hai người con đã có gia đình cùng ở chung với bà, đủ điều kiện tách hộ và Công an phường P, thành phố B đã có xác nhận đủ điều kiện tách hộ.

Căn cứ điểm a, khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre và hồ sơ do bà Đặng Thị M cung cấp thì hộ bà M đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định là 03 nền, trong đó: 01 nền cho hộ bà Đặng Thị M, 01 nền cho con trai là hộ ông Huỳnh Đặng D và một nền cho con gái là hộ Huỳnh Đặng Duyên N.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản số 5208/UBND-PTQĐ về việc phê duyệt bố trí nền tái định cư cho các hộ thuộc dự án Chinh trang khu dân cư đô thị P, trong đó có hộ bà Huỳnh Đặng Duyên N.

Ngày 17/02/2021, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Duyên N diện tích 81m², loại đất ở tại đô thị, thửa 238, tờ bản đồ 46, tọa lạc tại phường P, thành phố B. Bà Duyên N đã nộp tiền sử dụng đất với số tiền 340.200.000 đồng. Đến ngày 13/4/2021, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, qua phản ánh của một số hộ dân và đối chiếu với quy định về điều kiện hỗ trợ tái định cư tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017

của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì trường hợp của hộ bà Duyên N không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định, do tại thời điểm thu hồi đất bà Duyên N chưa đăng ký kết hôn. Từ đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B đề xuất thu hồi việc bố trí tái định cư của hộ bà Duyên N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Duyên N.

Ngày 22/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 7363/UBND-TNMT về việc điều chỉnh Công văn số 5208/UBND-PTQĐ ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B với nội dung: hủy bỏ tên “Huỳnh Đăng Duyên N” trong danh sách các hộ được bố trí tái định cư dự án Chính trang khu dân cư đô thị P.

Ngày 07/12/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Duyên N.

Như vậy, căn cứ các quy định trên thì bà Huỳnh Đăng Duyên N không đủ điều kiện được bố trí tái định cư, nên việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Duyên N tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 46, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre là đúng theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bà Đặng Thị M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Huỳnh Đăng Duyên N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Trần Thanh B trình bày:

Dự án Chính trang khu dân cư đô thị P đã thu hồi toàn bộ diện tích 2457m² đất (trong đó có 300m² đất ở đô thị) của hộ bà Đặng Thị M. Sau khi thu hồi hết đất, hộ bà M được Ủy ban nhân dân thành phố B xét giao lại 03 nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất gồm: hộ bà Đặng Thị M 01 nền, hộ ông Huỳnh Đăng D 01 nền và hộ bà Huỳnh Đăng Duyên N 01 nền.

Sau khi làm đầy đủ các thủ tục giao nhận đất, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Đăng Duyên N tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 46, diện tích 81m², đất ở đô thị, tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Huỳnh Đăng Duyên N ngày 13/4/2021.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B với lý do “Hộ bà Huỳnh Đăng Duyên N không đủ điều kiện giao đất có thu tiền sử dụng đất” và việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/4/2024 về việc không chấp nhận khiếu nại của bà Huỳnh Đăng Duyên N đối với Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 là không có căn cứ pháp

luật.

Do đó, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B và hủy Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 47/2024/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 158, điểm a Khoản 2 Điều 193; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Đặng Duyên N về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Đặng Duyên N tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 46, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Đặng Duyên N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, người khởi kiện là bà Huỳnh Đặng Duyên N kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đặng Thị M trình bày: Bà M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình bà hiện nay. Một người con làm ở công an, một người làm bên quân đội. Hoàn cảnh gia đình bên chồng của bà N cũng rất khó khăn, hiện

nay bà N có 01 đứa con. Đất của bà M là đường dẫn vào dự án. Thời điểm đó nếu bà M không chấp hành thì dự án cũng không làm được. Giá đền bù không bằng đất nông nghiệp, trong khi đó hoàn cảnh gia đình khó khăn, trong diện tích 300m² thổ cư của chỉ giải quyết 243m², đất bán giá đất thương mại trong khi đền bù giá thấp. Bà M cho rằng khi bà làm đơn lên công an phường P xác nhận đủ điều kiện tách hộ thì công an phường không có đề cập Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Bà M thừa nhận thời điểm đó bà N chưa đăng ký kết hôn với chồng bà N do chồng bà N làm công an nên phải xác minh. Bà M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ông Võ Tấn T trình bày: Vào ngày 06/9/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 4266/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 2.457m² thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 33, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre của hộ bà Đặng Thị M để thực hiện “Dự án Chinh trang khu dân cư đô thị P”. Bà Huỳnh Đặng Duyên N là con ruột của bà Đặng Thị M lúc này đang sống chung hộ gia đình với bà M thuộc thế hệ thứ hai cùng sống trên một thửa đất ở đã bị thu hồi có đủ điều kiện để tách thành hộ gia đình riêng theo xác nhận của Trưởng Công an phường P ngày 17/01/2019. Bà N không có nhà ở, đất ở, đất bị thu hồi vì vậy bà N được Ủy ban nhân dân thành phố B bố trí tái định cư theo Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất có thu tiền sử dụng 81m² đất ở tại đô thị, tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Sau khi nhận được Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 thì bà N thực hiện đầy đủ các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/4/2021 đối với thửa đất nêu trên. Như vậy, bà N là người sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 238, tờ bản đồ số 46, diện tích 81m², đất ở tại đô thị, tọa lạc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên đến ngày 07/12/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho bà N, với lý do: “hộ bà Huỳnh Đặng Duyên N không đủ điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất”, ngoài ra không có căn cứ pháp lý nào khác. Do không đồng ý với Quyết định nêu trên nên bà N có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố B để yêu cầu xem xét lại Quyết định số 3655. Sau khi xem xét thì ngày 18/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 973/QĐ-UBND không chấp nhận đơn khiếu nại của bà N, giữ y nội dung Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B do đó bà N khiếu kiện ra Tòa án để yêu cầu hủy 02 quyết định nêu trên. Tại bản án sơ thẩm đã có nhận định là điều kiện để được bố trí nền tái định cư là nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất. Do thời điểm ban hành Quyết định số 598 thì bà N chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chưa đáp ứng đủ điều kiện để cấp nền tái định cư. Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 quy định tại khoản 1 Điều 26 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi

đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định “d/ Trường hợp trong hộ gia đình mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi mà không có chỗ ở (nhà ở và đất ở) nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi;”. Trường hợp của bà N thuộc trường hợp nhiều thế hệ chứ không phải nhiều cặp vợ chồng. Còn trường hợp được tách thành hộ riêng là công an phường P nói rất rõ chứ không phải căn cứ theo đơn của bà M thì xác nhận của công an phường P là căn cứ quy định về Luật Cư trú thì 02 nhân khẩu Huỳnh Đăng D và Huỳnh Đăng Duyên N hiện đăng ký thường trú tại khu phố F, phường P đủ điều kiện về độ tuổi để tách hộ. Như vậy điều kiện để bà Huỳnh Đăng Duyên N tách hộ không phải là căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn mà phải đủ tuổi thì công an phường P xác nhận rất rõ chứ không phải căn cứ theo đơn của bà M là 02 con có gia đình. Trong bản án sơ thẩm đã áp dụng không đúng quy định khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nên bản án sơ thẩm đã nhận định khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình phải hội đủ 05 điều kiện là có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên cùng thửa đất... Theo quy định của Nghị định số 47 là không phải hội đủ điều kiện. Đây là vấn đề bản án sơ thẩm áp dụng không đúng. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 là theo phía Ủy ban áp dụng Quyết định số 37 là không đúng vì thời điểm Ủy ban ban hành quyết định này thì Quyết định số 37 đã hết hiệu lực rồi mà án sơ thẩm cho rằng mặc dù là không đúng nhưng đã có quyết định thay thế rồi là không hợp lý.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Đăng Duyên N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ông Huỳnh Vĩnh K trình bày: Điều kiện bố trí tái định cư thì Ủy ban căn cứ theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thay thế Quyết định số 37, Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, Công văn số 4266/STNMT-QLĐĐ ngày 21/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thì có nội dung tương tự như nhau cụ thể là hội đủ 05 điều kiện như sau: Nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng, cùng chung sống trên một thửa đất, đủ điều kiện tách hộ theo Luật Cư trú, không còn nhà ở, đất ở trên địa bàn nơi có đất thu hồi. Phải hội đủ 05 điều kiện này thì mới được xem xét bố trí tái định cư. Trường hợp bà N chưa phải là cặp vợ chồng, đủ điều kiện tách hộ theo Luật Cư trú nhưng chưa đủ điều kiện là cặp vợ chồng. Cặp vợ chồng phải có Giấy đăng ký kết hôn là cơ sở để bố trí tái định cư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ngày 06/9/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4226/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ bà Đặng Thị M (mẹ bà Duyên N) để thực hiện dự án Chinh trang khu dân cư đô thị P. Hộ bà Đặng Thị M bị thu hồi diện tích 2.455m² trong đó 100m² đất ở nông thôn và 2.355m² đất cây lâu năm, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 33, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Sau khi bị thu hồi đất bà M đã được bồi thường hỗ trợ và bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật. Riêng đối với trường hợp của bà Huỳnh Đặng Duyên N, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà N. Tuy nhiên theo quy định của Luật Đất đai quy định về các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm hỗ trợ tái định cư đối với thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải di chuyển chỗ ở và tại điểm d khoản 1 Điều 26 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) về đối tượng, điều kiện được bố trí nền tái định cư nhận thấy bà N chung sống cùng hộ với hộ bà M tại thời điểm ban hành Quyết định số 598, bà N chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chưa đáp ứng đủ điều kiện được cấp nền tái định cư. Bà N và ông Dương Trần Thanh B đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2022 do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B là đúng quy định của pháp luật. Do Quyết định số 3655 được ban hành đúng quy định do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà N là đúng quy định của pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Huỳnh Đặng Duyên N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 04/4/2024, bà Huỳnh Đặng Duyên N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre yêu cầu hủy Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Ngày 06/9/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 4226/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị M (mẹ bà Duyên N) để thực hiện dự án Chính trang khu dân cư đô thị P. Theo đó hộ bà Đặng Thị M bị thu hồi diện tích 2.455m² trong đó 100m² đất ở nông thôn và 2.355m² đất cây lâu năm, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 33, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tổng số tiền được bồi thường là 9.581.212.000 đồng.

Theo phương án bồi thường do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B lập ngày 31/7/2019 thì hộ bà Đặng Thị M thuộc diện giải tỏa trắng nhà, đất ở, Ủy ban nhân dân phường P xác nhận bà Đặng Thị M không còn nhà, đất ở nào khác trên địa bàn phường P. Theo hộ khẩu số C9003957 tại thời điểm thu hồi đất thì hộ bà M có 07 nhân khẩu gồm: bà M, chồng bà M, hai con ruột, một con dâu, hai cháu nội. Bà M có đơn xin xác nhận đủ điều kiện tách hộ với nội dung trình bày: hai người con đã có gia đình cùng ở chung với bà, đủ điều kiện tách hộ và Công an phường P, thành phố B đã có xác nhận đủ điều kiện tách hộ.

Ngày 17/02/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Duyên N diện tích 81m², loại đất ở tại đô thị, thửa 238, tờ bản đồ 46, tọa lạc tại phường P, thành phố B. Bà N đã nộp tiền sử dụng đất với số tiền 340.200.000 đồng. Đến ngày 13/4/2021, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 7363/UBND-TNMT về việc điều chỉnh Công văn số 5208/UBND-PTQĐ ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B với nội dung: hủy bỏ tên “Huỳnh Đặng Duyên N” trong danh sách các hộ được bố trí tái định cư dự án Chính trang khu dân cư đô thị P.

Ngày 07/12/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Duyên N.

[2.2] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) quy định: “Đối tượng, điều kiện được bố trí tái định cư:

a) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở do thu hồi hết diện tích đất ở mà không có chỗ ở (nhà ở và đất ở) nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư);”.

...

d/ Trường hợp trong hộ gia đình mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia

đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi mà không có chỗ ở (nhà ở và đất ở) nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi;”.

Theo quy định trên thì trường hợp được bố trí tái định cư khi trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi **nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú**. Tuy nhiên, tại thời điểm thu hồi đất năm 2019 bà N chưa đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn của bà Duyên N và ông Dương Trần Thanh B thể hiện thời gian đăng ký kết hôn là ngày 08/9/2022 như vậy tại thời điểm thu hồi đất cá nhân bà N chưa đủ điều kiện để tách thành một hộ gia đình riêng theo quy định tại Luật cư trú.

Ngày 17/02/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 598/QĐ-UBND về việc giao đất ở cho hộ bà N do bà M có đơn xin xác nhận bà N đủ điều kiện tách hộ. Tuy nhiên, tại Đơn xin xác nhận đủ điều kiện tách hộ khẩu để bổ túc hồ sơ ngày 17/01/2019 bà M khai nhận bà N đã có gia đình là không đúng sự thật. Bà N cho rằng vào năm 2018, bà và ông Dương Trần Thanh B quen biết, tìm hiểu để tiến tới hôn nhân, nhưng do ông B là chiến sĩ an ninh trong lực lượng Công an nhân dân nên phải chờ ông B xin ý kiến của tổ chức đồng ý mới được đăng ký kết hôn. Sau đó, do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh và nhiều lý do khách quan khác nên việc kết hôn kéo dài. Đây không được xem là những lý do khách quan khiến bà N không đáp ứng đủ điều kiện để cấp nền tái định cư. Do đó, trường hợp này cá nhân bà N không được coi là một hộ gia đình nên không đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở để được hỗ trợ tái định cư như quy định.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc hủy Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 Ủy ban nhân dân thành phố B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà N:

Nhận thấy, tại thời điểm giải quyết khiếu nại (ngày 18/3/2024) cũng như tại thời điểm giao đất cho bà Duyên N (ngày 17/02/2021) thì Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã hết hiệu lực từ ngày 26/8/2019. Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B nhận định, đối chiếu theo quy định tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà Duyên N là không phù hợp.

Tuy nhiên, Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND được thay thế bởi Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Tại khoản 1 Điều 26 Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre có nội dung quy định như quy định tại khoản 2 Điều 20 Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Vì vậy, mặc dù Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B nhận định,

đối chiếu theo quy định tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà Duyên N là không phù hợp nhưng không ảnh hưởng đến nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B vẫn đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Việc bà Duyên N yêu cầu hủy Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B và Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về số tiền bà Duyên N đã nộp vào ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng sẽ có văn bản thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Duyên N, đồng thời sẽ có văn bản đề nghị Chi cục thuế khu vực thành phố B hoàn trả tiền lại cho bà N theo quy định. Về vấn đề này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ kiện khác.

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Đăng Duyên N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Đăng Duyên N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Đăng Duyên N.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2024/HC-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 1 Điều 158, điểm a Khoản 2 Điều 193; Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Đăng Duyên N về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc hủy Quyết định số 598/QĐ- UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Đăng Duyên N tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 46, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Đăng Duyên N.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Huỳnh Đăng Duyên N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005548 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Huỳnh Đăng Duyên N phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005064 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1)
- VKSND tỉnh Bến Tre; (1)
- Cục THADS tỉnh Bến Tre; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên